

Số: 06/QĐ-CTHĐQT-ĐHTĐ

Cần Thơ, ngày 12 tháng 02 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Tây Đô
giai đoạn 2018-2023 và tầm nhìn đến năm 2035**

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY ĐÔ

Căn cứ Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Tây Đô được ban hành ngày 24/3/2006 của Hội đồng quản trị Trường Đại học Tây Đô;

Căn cứ Quyết định số 126/QĐ-UBND ngày 15 tháng 01 năm 2016 của Ủy ban Nhân dân thành phố Cần Thơ về việc công nhận Chủ tịch Hội đồng Quản trị Trường Đại học Tây Đô, nhiệm kỳ 2016-2021;

Theo đề nghị của Trường phòng Tổ chức hành chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Tây Đô gian đoạn 2018-2023 và tầm nhìn đến năm 2035.

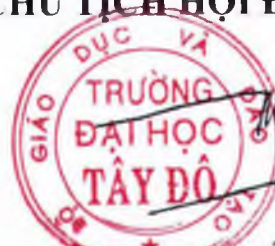
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám hiệu, các ông (bà) Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính, Trưởng các đơn vị thuộc Trường Đại học Tây Đô có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu VT, TC-HC.



TS-LS. Nguyễn Tiến Dũng

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY ĐÔ



**KẾ HOẠCH CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY ĐÔ
GIAI ĐOẠN 2018 - 2023 VÀ TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2035**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 06/QĐ-CTHQQT-ĐHTĐ ngày 12/02/2018
của Chủ tịch Hội đồng quản trị Trường Đại học Tây Đô)*

TP.CẦN THƠ, 2018

GIÁO

MỞ ĐẦU

Trong 5 năm qua, lãnh đạo Nhà trường đã chỉ đạo, điều hành các đơn vị trực thuộc thực hiện Kế hoạch chiến lược phát triển Đại học Tây Đô giai đoạn 2012-2017. Hệ thống cơ sở đào tạo, nghiên cứu khoa học và dịch vụ hỗ trợ đã được xây dựng và phát triển khá hoàn chỉnh, bao gồm: Hội đồng cố vấn, HDQT, BGH gồm Hiệu trưởng và 04 Phó Hiệu trưởng; Hội đồng KH&ĐT; Hội đồng Đảm bảo chất lượng; 07 khoa đào tạo (Khoa Cơ bản, Khoa QTKD, Khoa Kế Toán - Tài chính - Ngân hàng, Khoa Sinh học ứng dụng, Khoa Kỹ thuật - Công nghệ, Khoa Ngữ văn, Khoa Dược - Điều dưỡng); 13 phòng, ban, khoa, trung tâm chức năng (Phòng TC - HC, Phòng Đào tạo, Phòng CTCT&QLSV, Phòng QLKH&HTQT, Phòng QTTB, Phòng Kế hoạch - Tài chính, Khoa Đào tạo thường xuyên, Khoa Đào tạo sau ĐH, Thư viện, Trung tâm KT&ĐBCLGD, Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học - CDR&PTNNL, Trung tâm HTSV&HTDN); Ban và Tổ (Ban Thanh tra - Pháp chế, Ban tư vấn tuyển sinh, Tổ Website); Tổ chức Đảng, đoàn thể gồm: Đảng bộ, công đoàn, Đoàn TN, Hội SV, Hội Khuyến học, Hội Cựu SV.

Tổng số CBQL, GV, NV của Trường là 695 người trong đó đội ngũ GV gồm có 07 giáo sư, 18 phó giáo sư, 80 tiến sĩ, 327 thạc sĩ và 180 ĐH. Ngoài ra, Trường còn có đội ngũ GV thỉnh giảng đến từ các cơ sở giáo dục khác.

Trường ĐHTĐ được Bộ GD&ĐT cho phép tuyển sinh và đào tạo 19 ngành học (Dược, Điều dưỡng, Luật kinh tế, Kế toán, Tài chính - Ngân hàng, QTKD, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Việt Nam học (chuyên ngành Du lịch), Văn học, Ngôn ngữ Anh, Nuôi trồng thủy sản, Quản lý tài nguyên và môi trường, Quản lý đất đai, Kỹ thuật môi trường, Công nghệ thực phẩm, Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng, CNTT, Kỹ thuật điện - điện tử, Thú y) với 03 CTĐT thạc sĩ, 36 CTĐT ĐH, 12 CTĐT trình độ CĐ và 09 CTĐT TCCN.

Hiện nay, Nhà trường đang tuyển sinh và đào tạo 19 ngành học, trong đó có 02 CTĐT trình độ CĐ, 19 CTĐT trình độ ĐH, 01 CTĐT cử nhân tài năng, 03 CTĐT trình độ thạc sĩ và một số CTĐT liên thông. Trường hiện có 8.403 SV và học viên cao học đang học tập tại Trường.

Tổng diện tích đất sử dụng của Trường là 88.649 m², tổng diện tích sàn xây dựng toàn Trường là 76.129 m² trong đó diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo là 22.496,2 m² (phòng học, phòng thí nghiệm, phòng thực hành, thư viện), tổng diện tích khu hoạt động thể dục thể thao là 28.400 m².

Trường ĐHTĐ là trường ngoài công lập nên được tự chủ về tài chính. Trong những năm qua, Trường đã xây dựng hệ thống quản lý tài chính chặt chẽ, phù hợp và đáp ứng các yêu cầu hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động khác của Trường theo quy định của Nhà nước; thực hiện phân bổ và sử dụng tài chính hợp lý, công khai, minh bạch và có hiệu quả.

Qua hơn 10 năm xây dựng và phát triển (2006 - 2017), Trường ĐHTĐ đã hoàn thành tốt nhiệm vụ và đạt được một số kết quả trong hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Trường được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ năm học 2011 - 2012, 2014 - 2015; Bằng khen của Bộ GD&ĐT các năm học 2009 - 2010, 2010 - 2011, 2012 - 2013.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đã đạt được, vẫn còn nhiều hạn chế, yếu kém

cần được khắc phục. Trên cơ sở rà soát, đánh giá toàn diện những mặt đã làm được và những mặt chưa làm được trong quá trình triển khai Kế hoạch chiến lược giai đoạn 2012-2017; nhận định những thời cơ, thách thức và nhiệm vụ mới, Kế hoạch chiến lược phát triển Đại học Tây Đô giai đoạn 2018-2023 xác định rõ phương hướng và các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp cụ thể nhằm triển khai Nghị quyết Hội đồng quản trị của Đảng bộ Đại học Tây Đô; đưa Đại học Tây Đô trở thành một trong những đại học nghiên cứu hàng đầu trong hệ thống giáo dục đại học nước nhà và khu vực Đông Nam Á trong vòng 10 đến 15 năm tới.

Trên cơ sở Kế hoạch chiến lược, các Phòng, Ban chức năng, đơn vị trực thuộc có trách nhiệm xây dựng chiến lược và kế hoạch hành động cụ thể nhằm thực hiện tầm nhìn và các mục tiêu đề ra. Một số Phòng, Ban chức năng liên quan tham mưu xây dựng chiến lược cho những lĩnh vực trọng tâm: Chiến lược phát triển đào tạo; chiến lược phát triển khoa học - công nghệ; chiến lược phát triển và thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao; chiến lược đảm bảo chất lượng giáo dục; chiến lược đầu tư phát triển cơ sở vật chất và chiến lược tài chính theo định hướng đại học nghiên cứu.

2. Vai trò, vị trí của kế hoạch chiến lược trong quá trình xây dựng và phát triển trường:

Văn bản kế hoạch chiến lược nhằm định hướng chiến lược cho mọi hoạt động cũng như các chính sách phát triển của Trường Đại học Tây Đô giai đoạn 2018-2023 để thực hiện sứ mạng và mục tiêu của trường; là công cụ quản lý hữu hiệu của trường nhằm từng bước chuyển sang phương thức quản lý chiến lược; làm cơ sở hoạch định chính sách và lập kế hoạch xây dựng, phát triển trường trong từng giai đoạn ngắn hạn, trung hạn và dài hạn; có vai trò quan trọng như một văn bản có tính pháp quy của trường.

3. Các căn cứ, cơ sở pháp lý xây dựng văn bản kế hoạch chiến lược:

- Luật Giáo dục được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2005;

- Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 của Ban chấp hành Trung ương Đảng về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế;

- Nghị Quyết số 08-NQ/TW ngày 16/01/2017 của Bộ Chính trị về việc phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn;

- Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02/8/2006 của Thủ tướng Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục;

- Nghị quyết số 14/2005/NQ-CP ngày 02/11/2005 của Chính phủ về đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục Việt Nam giai đoạn 2006-2020;

- Điều lệ trường đại học ban hành theo Quyết định số 153/2003/QĐ-TTg ngày 30/7/2003 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư số 18/2004/TT-BGD&ĐT ngày 21/6/2004 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện Điều lệ trường đại học;

- Quyết định số 201/2001/QĐ-TTg ngày 28/12/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chiến lược phát triển giáo dục 2001- 2010;

- Quyết định số 47/2001/QĐ-TTg ngày 04/4/2001 của Thủ tướng Chính phủ về quy hoạch mạng lưới các trường đại học, cao đẳng Việt Nam giai đoạn 2001- 2010;

- Quyết định số 171/2004/QĐ-TTg ngày 28/9/2004 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đổi mới cơ chế quản lý khoa học và công nghệ;

- Quyết định số 121/2007/QĐ-TTg ngày 27/7/2007 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch mạng lưới các trường đại học và cao đẳng giai đoạn 2006-2020;

- Nghị Quyết số 103/NQ-CP ngày 06/10/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chương trình hành động của chính phủ thực hiện nghị quyết số 08-nq/tw ngày 16 tháng 01 năm 2017 của bộ chính trị khóa xii về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn;

- Nghị Quyết số 03-NQ/TU ngày 01/8/2016 của Thành uỷ thành phố Cần Thơ về việc đẩy mạnh phát triển du lịch;

- Nghị Quyết số 10-NQ/TU ngày 11/4/2017 của Thành uỷ thành phố Cần Thơ về việc xây dựng thành phố Cần Thơ phát triển thành đô thị thông minh, giai đoạn 2016-2025;

- Nghị Quyết số 29-NQ/HĐND ngày 27/3/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về thông qua điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển du lịch thành phố cần thơ đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

- Ngoài ra còn dựa vào kết quả của các hội nghị, hội thảo về đổi mới phương pháp dạy học, về kiểm định chất lượng, các báo cáo điều tra của các đơn vị trong trường.

4. Mục đích xây dựng văn bản kế hoạch chiến lược:

Làm căn cứ để nhà trường hoạch định các mục tiêu, các hành động và hệ thống giải pháp để đạt được các mục tiêu đã định trong giai đoạn hội nhập sâu rộng, đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục. Từ đó, Trường sẽ hoạch định các mục tiêu, các hành động và hệ thống giải pháp để đạt được các mục tiêu đã định.

5. Quá trình xây dựng văn bản kế hoạch chiến lược của trường:

Văn bản kế hoạch chiến lược này được xây dựng từ cuối năm 2018 sự chỉ đạo của Ban chỉ đạo xây dựng kế hoạch chiến lược của Trường. Văn bản kế hoạch chiến lược được xây dựng theo giai đoạn 2018-2023 và tầm nhìn đến năm 2035.

6. Sự tham gia của các cá nhân, tập thể của trường, các cơ quan quản lý, chuyên gia tư vấn xây dựng kế hoạch chiến lược:

Bên cạnh Ban chỉ đạo xây dựng kế hoạch chiến lược và Tổ xây dựng kế hoạch chiến lược, trong quá trình xây dựng văn bản kế hoạch chiến lược, trường đã tạo mọi điều kiện để các đơn vị và cá nhân thuộc trường tham gia vào việc thảo luận, góp ý kiến cho văn bản kế hoạch chiến lược. Cụ thể như sau:

- Phát hành phiếu lấy ý kiến cán bộ, giảng viên và nhân viên về sứ mạng, tầm nhìn, các giá trị và mục tiêu phát triển trường;

- Họp lấy ý kiến của lãnh đạo các đơn vị thuộc trường về bản thảo kế hoạch chiến lược phát triển trường giai đoạn 2018-2023;

- Tổ chức cho cán bộ, giảng viên và nhân viên thuộc các đơn vị trong trường tham gia thảo luận, góp ý cho văn bản kế hoạch chiến lược;

- Mời một số nhà khoa học, nhà giáo có uy tín, có chuyên môn; các chuyên gia trong lĩnh vực xây dựng kế hoạch chiến lược góp ý cho văn bản kế hoạch chiến lược;

- Mời lãnh đạo thành phố, các doanh nghiệp và cựu sinh viên tham gia góp ý.

7. Giá trị sử dụng của văn bản kế hoạch chiến lược:

- Làm định hướng chiến lược phát triển trong tương lai, là kim chỉ nam cho toàn bộ hoạt động của trường, làm cơ sở để xây dựng kế hoạch cho các giai đoạn ngắn hạn và trung hạn;

- Làm cơ sở cho việc đổi mới tư duy trong quản lý và lãnh đạo của các cấp quản lý thuộc trường;

- Làm cơ sở để giám sát, tổng kết, đánh giá kết quả và điều chỉnh các mặt hoạt động của trường. Đồng thời, xây dựng các kế hoạch dự phòng nhằm ngăn ngừa các rủi ro có thể xảy ra trong tương lai;

- Xác định các lĩnh vực ưu tiên cho từng giai đoạn phát triển của trường;

- Xây dựng nhóm thực hiện có năng lực phù hợp và tính chuyên nghiệp cao;

- Xây dựng và nâng cao tinh thần hợp tác với các đối tác bên ngoài.

8. Kết cấu của kế hoạch chiến lược phát triển gồm 4 phần:

- Sứ mạng, tầm nhìn và các giá trị;

- Mục tiêu, chiến lược phát triển và giải pháp;

- Chương trình hành động thực hiện chiến lược;

- Tổ chức thực hiện và giám sát, đánh giá kế hoạch và kết quả đạt được;

Phần I
SỨ MẠNG, TẦM NHÌN, MỤC TIÊU VÀ CÁC GIÁ TRỊ CỐT LÕI
CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY ĐÔ

1. Sứ mạng

Sứ mạng của Trường Đại học Tây Đô là đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng, có khả năng ứng dụng khoa học đa lĩnh vực, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội vùng Đồng bằng sông Cửu Long, thông qua việc truyền tải tri thức bằng các phương thức linh hoạt nhất cho người học.

2. Tầm nhìn

Trường Đại học Tây Đô phấn đấu đến năm 2025 trở thành trường đại học tu thực đa ngành hàng đầu ở Khu vực ĐBSCL với định hướng nghiên cứu ứng dụng phục vụ cộng đồng. Phấn đấu đến năm 2035, một số ngành đào tạo hệ đại học chính quy của Trường sẽ phát triển ngang tầm Khu vực Đông Nam Á.

3. Mục tiêu phát triển đến năm 2035

Mục tiêu chiến lược đến năm 2035 là xây dựng và phát triển Trường Đại học Tây Đô thành một cơ sở đào tạo nguồn nhân lực trình độ đại học và sau đại học định hướng nghiên cứu ứng dụng có uy tín, chất lượng, đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững về các lĩnh vực: Kinh tế, văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường, sức khỏe vùng Đồng bằng sông Cửu Long và cả nước.

4. Các giá trị: Trí tuệ - Sáng tạo - Năng động - Đổi mới

Trường Đại học Tây Đô không ngừng xây dựng văn hóa chất lượng để hội nhập và phát triển. Nhà trường coi trọng và hết sức nỗ lực để thực hiện được 04 giá trị cốt lõi: “Trí tuệ - Sáng tạo - Năng động - Đổi mới”.

Trí tuệ: Là thành tố cần thiết như tầm nhìn chiến lược trong quản lý, để dạy và học thông minh.

Sáng tạo: Là nhân tố cần thiết để phát triển trong xã hội tri thức.

Năng động: Là phẩm chất cần thiết trong giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học ở nhà trường và ứng dụng, hội nhập trong xã hội để khởi nghiệp và mưu sinh.

Đổi mới: Đổi mới giáo dục trong nhà trường là một tất yếu khách quan và cũng là sự đòi hỏi thật sự cấp thiết của xã hội trong giai đoạn hiện nay.

5. Triết lý giáo dục

- Học suốt đời để làm việc suốt đời

- Thực học - Thực nghiệp

Học suốt đời để làm việc suốt đời:

Sinh viên tốt nghiệp Đại học Tây Đô sẽ là những người tích cực học hỏi và học hỏi suốt đời, nhằm nâng cao kiến thức và kỹ năng chuyên môn để phù hợp với yêu cầu nghề nghiệp và hoàn thiện bản thân để làm việc suốt đời, cụ thể:

+ Thích nghi với việc học tập không ngừng để tìm cách hoàn thành các nhiệm vụ khác nhau;

- + Chủ động xây dựng mục tiêu học tập, mục tiêu cuộc đời;
- + Áp dụng kiến thức và kỹ năng một cách linh hoạt, phù hợp và ý nghĩa;
- + Thể hiện một sự cam kết duy trì và liên tục học tập các vấn đề liên quan đến nghề nghiệp và các vấn đề cá nhân;
- + Lắng nghe, thấu hiểu, hội nhập với bản sắc riêng và nỗ lực liên tục để thành công bền vững trong sự nghiệp.

Thực học - Thực nghiệp:

Mục tiêu đào tạo của Trường Đại học Tây Đô là hình thành, phát triển năng lực thực tiễn cho người học; thể hiện việc Nhà trường được trao quyền xây dựng, tổ chức kế hoạch dạy học, nhờ đó mà Trường Đại học Tây Đô chủ động tăng cường việc dạy thực hành, vận dụng, gắn kết với thực tiễn đời sống của các môn học và hoạt động giáo dục của Nhà trường ở tất cả các CTĐT.

6. Mô hình SWOT (Strengths Weaknesses Opportunities Threats)

<i>Mạnh (S)</i>	<i>Cơ hội (O)</i>
<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện đa dạng hóa mô hình đào tạo (đa ngành). - Đầu tư cơ sở vật chất để xây dựng Trường. - Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng và nâng cao trình độ giảng viên. - Nâng cao chất lượng đào tạo. - Học phí tương đối thấp. - Lãnh đạo có quan điểm mở, quyết liệt trong đổi mới công tác quản trị đại học. - Đội ngũ nhân sự trẻ, có trình độ chuyên môn vững, nhiệt huyết. 	<ul style="list-style-type: none"> - Được sự ủng hộ của cơ quan chủ quản và chính quyền địa phương - Tình hình đất nước trên đà hội nhập. - Nền kinh tế mở cửa, xu hướng toàn cầu hóa, cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư tạo cơ hội để trường đa dạng ngành đào tạo, đổi mới phương thức đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, hiện đại hóa hệ thống quản trị. - Nằm trung tâm ĐBSCL. - Nhu cầu học của sinh viên, học viên có số lượng lớn. - Cơ chế chính sách, sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế từ nông nghiệp sang công nghiệp và dịch vụ.
<i>Yếu (W)</i>	<i>Nguy cơ (T)</i>
<ul style="list-style-type: none"> - Công tác nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế chưa được phát triển mạnh. - Chưa có cơ chế mạnh, rõ ràng để thu hút nhân tài và thúc đẩy năng suất lao động. - Số lượng sản phẩm NCKH công bố, đặc biệt là công bố quốc tế chưa nhiều. - Chưa có nhiều chuyên gia và nhà khoa học đầu ngành trong các lĩnh vực đào tạo và nghiên cứu của trường. 	<ul style="list-style-type: none"> - Cạnh tranh trong giáo dục đại học ngày càng mạnh mẽ, giữa các trường đại học trong nước, giữa các trường công lập và tư thục, giữa các trường trong nước và nước ngoài, đặc biệt là cạnh tranh để thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao. - Khoa học công nghệ phát triển nhanh chóng làm xuất hiện các hàng hóa, dịch vụ mới, các phương thức kinh doanh mới, đòi hỏi khả năng thay đổi và thích ứng của các trường đại học trong nội dung, phương

<p>- Nguồn tài chính chủ yếu dựa vào học phí; các phương thức tạo nguồn thu chưa đa dạng, chuyên giao công nghệ từ NCKH,... còn chiếm tỷ trọng thấp.</p>	<p>pháp giảng dạy và nghiên cứu.</p>
--	--------------------------------------

Phần II

MỤC TIÊU, CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN VÀ GIẢI PHÁP

1. Mục tiêu chiến lược

1.1. Mục tiêu chung

Xây dựng Trường Đại học Tây Đô thành một cơ sở đào tạo đa ngành, một trung tâm nghiên cứu và chuyển giao khoa học công nghệ về lĩnh vực Dược học, Xây dựng, Kiến trúc, Tài chính, Quản trị Kinh doanh, Quản lý đất đai, Truyền thông đạt chuẩn quốc gia; một số ngành đào tạo trọng điểm đạt chuẩn khu vực Đông Nam Á, đáp ứng nhu cầu xã hội về đào tạo nguồn nhân lực chất lượng, trình độ cao, phục vụ sự phát triển kinh tế - xã hội khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long và các tỉnh phía Nam.

1.2. Mục tiêu cụ thể

- Không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo, đảm bảo cho người học được học tập kiến thức chuyên môn hiện đại; được ứng dụng khoa học - công nghệ cao; được rèn luyện kỹ năng và trau dồi phẩm chất đạo đức nghề nghiệp;

- Phát triển quy mô đào tạo một cách hợp lý, đặc biệt tăng dần quy mô và chất lượng đào tạo thạc sĩ và tiến sĩ. Tích cực sử dụng công nghệ thông tin - truyền thông và áp dụng các công cụ dạy học hiện đại trong quá trình dạy và học;

- Phát triển nhiều chương trình đào tạo theo chương trình tiên tiến của các trường đại học tiên tiến trên thế giới; kiểm định chất lượng các chương trình đào tạo tiến tới kiểm định chất lượng trường theo tiêu chuẩn kiểm định quốc tế;

- Thực hiện triệt để phương pháp giảng dạy tích cực với phương châm “dạy cách học, phát huy tính chủ động của người học”. Từng bước hiện đại hóa trang thiết bị giảng dạy và quốc tế hóa chương trình đào tạo;

- Đẩy mạnh NCKH, gắn kết NCKH với đào tạo và phục vụ xã hội. Tăng cường nguồn thu từ các hoạt động khoa học, sản xuất và dịch vụ;

- Tăng cường HTQT để hỗ trợ hoạt động đào tạo, chuyển giao khoa học - công nghệ, khai thác tối đa các lợi ích từ HTQT để phục vụ xã hội;

- Thực hiện kiểm định chất lượng trường đại học và các giải pháp cụ thể để đảm bảo chất lượng đào tạo của trường;

- Xây dựng đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý đủ về số lượng, có phẩm chất đạo đức và lương tâm nghề nghiệp, có trình độ chuyên môn cao, phong cách giảng dạy và quản lý tiên tiến;

- Tin học hóa công tác quản lý hành chính, đáp ứng yêu cầu chính quy, hiện đại, tiết kiệm kinh phí và lao động;

- Xúc tiến nhanh các dự án xây dựng trường theo chuẩn một trường đại học ngang tầm với các trường đại học trong khu vực và thế giới.

2. Chiến lược phát triển nguồn nhân lực

2.1. Mục tiêu phát triển nguồn nhân lực

- Xây dựng đội ngũ giảng dạy: tuyển chọn các giảng viên có trình độ thạc sĩ, tiến sĩ có chuyên môn khá giỏi, có kinh nghiệm thực tế trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Bên

chọn lọc những sinh viên khá giỏi, cán bộ khoa học có năng lực đã qua công tác ở các cơ sở xã hội, khuyến khích đào tạo cán bộ giảng viên ở trong nước và nước ngoài bằng các nguồn khác nhau. Xây dựng quy trình bồi dưỡng và có chính sách đãi ngộ phù hợp.

- Đảm bảo tỷ lệ giảng viên/sinh viên theo quy chuẩn. Đào tạo đội ngũ kế cận có đủ đức đủ tài, đảm bảo sự kế thừa và phát triển vững chắc để thực hiện tốt mục tiêu chiến lược phát triển của trường;

- Phát triển đội ngũ cán bộ, giảng viên cho các lĩnh vực hoạt động, phấn đấu đạt trình độ khu vực.

- Đội ngũ cán bộ quản lý phải có trình độ chuyên môn cao, phong cách quản lý tiên tiến mang tính hiện đại, thành thạo tin học và ngoại ngữ. Đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ có tính chuyên nghiệp, thực hiện cơ chế sàng lọc thông qua đánh giá kết quả hằng năm.

2.2. Nhu cầu về nguồn nhân lực

▪ Về đội ngũ cán bộ, công chức, dự kiến:

- Năm 2021 có 632 cán bộ, giảng viên, nhân viên trong đó 515 là cán bộ giảng dạy, tỷ lệ sinh viên trên một cán bộ giảng dạy đạt yêu cầu của Bộ GD&ĐT.

- Năm 2023 là 630 cán bộ, giảng viên và nhân viên trong đó 515 là cán bộ giảng dạy, tỷ lệ sinh viên trên một cán bộ giảng dạy đạt yêu cầu của Bộ GD&ĐT.

- Tầm nhìn đến năm 2035 đưa tổng số cán bộ, giảng viên và nhân viên là 756. Trong đó 618 là cán bộ giảng dạy, tỷ lệ sinh viên trên một cán bộ giảng dạy đạt yêu cầu của Bộ GD&ĐT.

▪ Về cơ cấu trình độ đội ngũ cán bộ giảng dạy:

- Năm 2018 đội ngũ cán bộ giảng dạy có 72% đạt trình độ sau đại học, trong đó có không dưới 18% tiến sĩ;

- Năm 2023 có 80% đạt trình độ sau đại học, trong đó có 30% tiến sĩ.

2.3. Chiến lược sử dụng nguồn nhân lực

- Bố trí, sắp xếp, bổ sung, cân đối nguồn nhân lực cho việc sử dụng đội ngũ cán bộ, công chức một cách tối ưu nhất; bố trí công việc đúng với khả năng của từng người, tạo điều kiện để họ phát huy cao nhất sở trường của mình;

- Đẩy mạnh công tác chuẩn hóa đội ngũ cán bộ, công chức; nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, ngoại ngữ, tin học,... đa năng hóa đội ngũ cán bộ;

- Thực hiện chính sách thu hút nhân tài. Lựa chọn cán bộ giảng dạy trẻ có năng lực giỏi đi đào tạo thạc sĩ và tiến sĩ ở nước ngoài;

- Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ kế cận đủ năng lực để tiếp tục sự nghiệp phát triển trường trong giai đoạn tới;

- Làm tốt công tác quy hoạch, tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, giảng viên.

- Xây dựng đề án sử dụng nguồn nhân lực của trường cho từng giai đoạn phát triển đạt hiệu quả tối ưu nhất, sử dụng hiệu quả nhất.

2.4. Giải pháp phát triển nguồn nhân lực

- Luôn nâng cao phẩm chất đạo đức; tạo điều kiện học tập, bồi dưỡng về chính trị và pháp luật cho cán bộ, công chức trong trường ;

- Củng cố và xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với tiêu chuẩn ngạch bậc, chức danh đảm nhiệm. Tạo thế ổn định để phát triển, thực hiện tốt các chỉ số đo lường đảm bảo đội ngũ cán bộ, giảng viên có năng lực tốt nhất, đồng thời thể hiện tính rõ ràng và tính chịu trách nhiệm của từng thành viên;

- Khai thác triệt để nguồn nhân lực có chất lượng cao từ bên ngoài. Thỉnh giảng các cán bộ khoa học tham gia vào công tác giảng dạy của trường. Lập kế hoạch sử dụng có hiệu quả đội ngũ cán bộ giảng dạy cơ hữu và thỉnh giảng.

- Ưu tiên tuyển dụng người có học vị tiến sĩ, thạc sĩ loại xuất sắc hoặc giỏi từ nhiều nguồn để bổ sung cho đội ngũ giảng dạy. Hoàn thiện quy trình tuyển dụng đội ngũ cán bộ giảng dạy và cán bộ quản lý;

- Nâng cao năng lực điều hành quản lý, nâng cấp trình độ nghiệp vụ đội ngũ cán bộ quản lý (tin học, ngoại ngữ, quản lý...). Lập kế hoạch và tổ chức định kỳ cho cán bộ, công chức quản lý tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý chuyên môn, nghiệp vụ; làm việc có hiệu quả và thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở;

- Chủ động bố trí kinh phí và có cơ chế chính sách ưu đãi thực hiện chủ trương đào tạo, xây dựng đội ngũ. Có chính sách đãi ngộ thích đáng với các cán bộ thực sự có năng lực, tâm huyết với nghề nghiệp;

- Xây dựng kế hoạch và phương pháp đánh giá hợp lý các hoạt động giảng dạy của giảng viên; chú trọng triển khai đổi mới phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học với hệ thống chỉ số đánh giá chất lượng của đội ngũ cán bộ giảng viên thông qua khối lượng giờ giảng đảm nhận, các công trình NCKH, các tài liệu, giáo trình biên soạn, quỹ thời gian dành cho học tập, NCKH, tự đào tạo, đảm bảo khoa học, chính xác.

3. Chiến lược phát triển đào tạo

3.1. Mục tiêu phát triển đào tạo

Chất lượng đào tạo cao, thể hiện rõ giá trị của trường là mục tiêu chung trong chiến lược phát triển đào tạo của trường suốt giai đoạn 2018-2023.

- Phương châm giáo dục: Đào tạo phục vụ theo nhu cầu xã hội và đáp ứng với xu thế hội nhập quốc tế.

- Hướng đào tạo: với điều kiện nền kinh tế thị trường trong thời kỳ hội nhập cạnh tranh gay gắt, hướng đào tạo cần đáp ứng theo hai nhu cầu: nhân lực tư duy (có năng lực sáng tạo) và nhân lực có tinh thần doanh nghiệp (dám cạnh tranh và biết cạnh tranh); Đẩy mạnh phát triển các ngành Việt Nam học (chuyên ngành Du lịch), Công nghệ thông tin, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành phù hợp nhu cầu phát triển kinh tế xã hội thành phố Cần Thơ theo hướng dịch vụ - công nghiệp- nông nghiệp chất lượng cao và định hướng phát triển kinh tế xã hội vùng đồng Sông Cửu Long, cả nước; Cung cấp nguồn nhân lực tham gia chiến lược Chuyển đổi số quốc gia.

- Đáp ứng theo thị trường lao động: phương châm sinh viên tốt nghiệp của trường phải đáp ứng nhu cầu thị trường lao động tại Đồng Bằng Sông Cửu Long và thích ứng với các khu vực TP.HCM và các tỉnh miền Đông Nam Bộ.

3.2. Chỉ tiêu phát triển đào tạo

▪ Loại hình, cấp đào tạo

Trường duy trì các cấp đào tạo đại học, cao đẳng, trong đó có loại hình đào tạo chính quy và liên thông chính quy. Trong giai đoạn 2018-2023 tiếp tục đẩy mạnh công tác đào tạo thạc sĩ, tiến tới đào tạo tiến sĩ.

- Đào tạo các hệ: Đại học, Thạc sĩ, Tiến sĩ. Đào tạo hệ liên thông từ trung học lên cao đẳng và đại học.

Các ngành đào tạo: tiếp tục đào tạo các ngành thuộc lĩnh vực kinh tế, kỹ thuật công nghệ, viễn thông, xã hội, nông nghiệp, sức khỏe,... Trường Đại học Tây Đô mở các ngành nghề đều dựa trên tiêu chí đào tạo theo nhu cầu của xã hội. Nhà trường nỗ lực thực hiện ba chức năng chủ yếu là đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ. Hoạt động đào tạo nhằm cung cấp nguồn nhân lực cho xã hội, các hoạt động nghiên cứu khoa học nhằm nâng cao chất lượng đào tạo. Mục đích đào tạo là nhằm cung cấp cho xã hội nguồn nhân lực có trình độ cao nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội. Do đó để phát huy hiệu quả đào tạo thì mục tiêu đào tạo phải dựa trên nhu cầu đào tạo và cũng là chiến lược phát triển đúng theo xu thế của nền kinh tế hội nhập. Vì vậy ngành và chuyên ngành đào tạo ở Trường Đại học Tây Đô phải theo chủ trương “Đào tạo theo nhu cầu xã hội”.

▪ Quy mô đào tạo

Chủ trương của trường là giữ vững quy mô đào tạo đại học chính quy ở mức ổn định như hiện nay. Chú trọng tăng cường đào tạo trình độ đại học với chất lượng cao và sau đại học các ngành kinh tế.

Tăng quy mô đào tạo hợp lý trong từng giai đoạn, đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực phát triển kinh tế - xã hội của khu vực. Phân đầu đến năm 2020 đạt quy mô đào tạo các bậc đại học: Đại học 10.000 sinh viên trong đó hệ chính quy 8.000 sinh viên, hệ liên thông và các loại hình đào tạo khác 1.000 sinh viên; thạc sĩ 900 học viên, tiến sĩ 100 học viên. Nâng cao chất lượng đào tạo, phân đầu đến năm 2035 năng lực, trình độ đào tạo các bậc học của trường đạt trình độ chung các trường đại học kinh tế hàng đầu trong vùng Đồng bằng Sông Cửu Long, tiến tới đạt trình độ đào tạo một số chuyên ngành bằng các đại học tiên tiến của khu vực Đông Nam Á.

▪ Cơ cấu ngành, nội dung, chương trình đào tạo

Bên cạnh các ngành, chuyên ngành kinh tế, kỹ thuật, nhóm ngành sức khỏe, trường triển khai và hoàn thiện chương trình đào tạo các ngành khác như: Luật, ; từng bước đa dạng hóa ngành đào tạo trong trường. Các chuyên ngành mới được mở theo đúng quy định của trường, đảm bảo chương trình, nội dung đào tạo theo chương trình khung của Bộ ban hành, có tiếp cận chương trình của các trường đại học nổi tiếng trên thế giới.

Nội dung chương trình đào tạo: bên cạnh theo chương trình quy định của nhà trường, cần thiết kế chương trình đào tạo theo nhu cầu xã hội và theo định hướng hội nhập quốc tế.

Đào tạo theo nhu cầu xã hội: Trường Đại học Tây Đô thiết lập chương trình đào tạo theo nhu cầu của thị trường – việc xây dựng chương trình đào tạo, đánh giá chương trình đào tạo cùng phối hợp với sự tham gia của nhà tuyển dụng.

- + Đào tạo theo cơ chế đặt hàng của doanh nghiệp.
- + Tăng cường cơ chế hợp tác giữa nhà trường và nhà tuyển dụng.
- + Tổ chức giảng viên tăng cường mối quan hệ gắn kết đào tạo với nhu cầu xã hội.

+ Chương trình đào tạo phải được thẩm định từ hai phía: nơi đào tạo sinh viên và nơi sử dụng sinh viên tốt nghiệp.

3.3. Giải pháp thực hiện

- Định kỳ rà soát, đổi mới chương trình đào tạo, nội dung giảng dạy trên cơ sở ý kiến đóng góp của giảng viên, của sinh viên và của đại diện cựu sinh viên, đặc biệt là các nhà tuyển dụng;

- Thường xuyên đổi mới nội dung và phương pháp giảng dạy, học tập. Đầu tư và sử dụng có hiệu quả cao cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và NCKH, trong đó chú trọng việc sử dụng các trang thiết bị phục vụ, hệ thống thông tin-thư viện, phòng thực hành các mô hình kinh tế ảo, các trung tâm máy tính của trường;

- Phương pháp giảng dạy hiện đại phù hợp với phương thức đào tạo tín chỉ, lấy sinh viên làm trọng tâm trong công tác dạy và học, đổi mới phương thức đánh giá sinh viên, chuẩn chất lượng đào tạo cho từng bậc học theo các hệ trung cấp, cao đẳng, đại học, thạc sĩ và tiến sĩ.

- Nghiên cứu, đưa vào áp dụng các chương trình đào tạo tiên tiến của nước ngoài. Thực hiện thí điểm và nhân rộng đào tạo theo học chế tín chỉ, đổi mới cách quản lý, điều hành dạy và học;

- Tăng cường năng lực của đội ngũ giảng dạy, quản lý, phục vụ công tác đào tạo thông qua các chương trình đào tạo, bồi dưỡng thích hợp, đảm bảo đội ngũ cán bộ nhà trường tiếp cận nhanh, thực hiện tốt yêu cầu đổi mới công tác phát triển đào tạo;

- Xây dựng chương trình đào tạo đại học theo hướng hội nhập và nâng cao chất lượng, tiến tới có đủ tài liệu tham khảo cho bậc đào tạo đại học. Mục tiêu đến năm 2022 có 100% số sách tham khảo của các môn học.

- Công tác biên soạn tập bài giảng, giáo trình: Tất cả các học phần của chương trình đào tạo các ngành đào tạo của trường đều có giáo trình giảng dạy, 100% giảng viên lên lớp đều có tập bài giảng, giáo trình.

- Xây dựng và triển khai Đề án tăng cường công tác đào tạo về du lịch, các chương trình liên kết lĩnh vực văn hóa, thể thao, nhất là văn học - nghệ thuật, điện ảnh trong xúc tiến quảng bá du lịch tiến tới xây dựng phát triển khu du lịch sinh thái trực thuộc Trường. Xây dựng và triển khai Đề án đổi mới và xin phép Bộ GD&ĐT về cơ chế hoạt động, tăng cường năng lực cho các cơ sở đào tạo đại học về du lịch.

- Xây dựng và triển khai Đề án tăng cường công tác đào tạo về ngành Công nghệ thông tin. Tăng cường sử dụng tài liệu điện tử trong nhà trường; tập trung xây dựng và khai thác sử dụng có hiệu quả kho bài giảng e-learning, kho học liệu số của ngành phục vụ nhu cầu tự học của người học và đổi mới, sáng tạo trong hoạt động dạy, học; Xây dựng mô hình ứng dụng CNTT trong công tác điều hành quản lý, dạy và học, ứng dụng giải pháp trường học điện tử, lớp học điện tử (giải pháp giáo dục thông minh) ở những nơi có điều kiện nhằm nâng cao chất lượng dạy học.

4. Chiến lược phát triển nghiên cứu khoa học

4.1. Mục tiêu phát triển nghiên cứu khoa học

- Tạo được những chuyển biến trong một số hoạt động khoa học then chốt: công bố khoa học trong nước, quốc tế; hội thảo khoa học quốc tế;

- Thúc đẩy được một bộ phận đội ngũ giảng viên tham gia nghiên cứu khoa học.

4.2. Giải pháp phát triển nghiên cứu khoa học

- Đăng ký thành công các đề tài cấp Bộ, nâng cáo số lượng và chất lượng các đề tài thuộc Nhà nước, cấp trường;

- Số lượng công bố quốc tế có trên các tạp chí có chỉ số ISI và trong danh mục Scopus tương xứng với tiềm năng đội ngũ cán bộ của Trường;

- Tăng cường việc kết hợp nghiên cứu khoa học với đào tạo, nhất là ở hệ sau đại học; khuyến khích giảng viên và học viên thật sự quan tâm đến nghiên cứu và công bố khoa học.

- Gia tăng sản phẩm được đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ; quản lý và khai thác hiệu quả tài sản trí tuệ phục vụ công tác đào tạo, nghiên cứu cũng như đáp ứng nhu cầu xã hội và cộng đồng. Phát triển năng lực phục vụ cộng đồng, đáp ứng ngày càng cao nhu cầu xã hội về đào tạo, nghiên cứu, và chuyển giao tri thức trong các lĩnh vực hoạt động của Trường

5. Chiến lược phát triển hợp tác quốc tế

5.1. Mục tiêu phát triển hợp tác quốc tế

Mục tiêu của hoạt động HTQT trong thời gian tới của trường là tiếp tục duy trì, phát triển các mối quan hệ hợp tác đã có; mở rộng hợp tác với các trường, các tổ chức trong và ngoài nước; tiến hành xin giấy phép xuất bản tạp chí khoa học cho Trường.

5.2. Giải pháp phát triển hợp tác quốc tế

- Tăng cường ký kết và triển khai thực hiện các văn bản hợp tác với các trường đại học, các tổ chức quốc tế, nâng cao chất lượng HTQT ở tất cả các khâu, các mặt.

- Chú trọng xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ khoa học có trình độ cao cho hoạt động HTQT để thực hiện HTQT trong điều kiện hợp tác đôi bên cùng có lợi vì phát triển trong điều kiện đa phương hóa HTQT hiện nay.

- Tích cực tạo nguồn tài chính để có khả năng mở rộng công tác cho HTQT.

- Tăng cường hợp tác đào tạo với các nước trong khu vực.

- Liên kết đào tạo với các trường đại học nước ngoài.

- Tiếp cận học hỏi giáo dục đại học hiện đại tiên tiến thế giới để phục vụ trong quá trình hội nhập.

- Đa dạng hóa các loại hình đào tạo liên kết nước ngoài

- Tăng cường nâng cao trình độ Tiếng Anh cho sinh viên để đưa vào sử dụng một số giáo trình tiên tiến của các trường đại học nước ngoài.

- Đến năm 2020 giảng viên và sinh viên sẽ cùng giảng dạy và học tập bằng Tiếng Anh.

- Tăng cường chi phí hợp tác quốc tế mở rộng quyền tự chủ, trong khuôn khổ pháp luật cho phép.

Nhằm nâng cao trình độ tiếng Anh cho sinh viên bằng cách chọn lọc đưa vào sử dụng một số chương trình đào tạo giáo trình tiên tiến đào tạo đang được giảng dạy tại các trường Đại học nước ngoài phù hợp với nhu cầu phát triển của Việt Nam.

6. Chiến lược phát triển công tác quản lý sinh viên

6.1. Mục tiêu:

Sinh viên là đối tượng phục vụ của nhà trường, vì vậy tất cả mọi hoạt động phải vì sinh viên thân yêu, cố động tinh thần học tập và nghiên cứu phục vụ tốt về cơ sở

vật chất, công tác quản lý và giảng dạy để sinh viên có tinh thần học tập tốt.

Sinh viên phải được phát triển về toàn diện về trí tuệ, thể chất, đạo đức, sức khỏe và có phẩm chất đạo đức về nghề nghiệp.

Phải tạo điều kiện môi trường thuận lợi và công tác hỗ trợ giáo dục sinh viên để thu hút sinh viên ngày càng đến với Trường của chúng ta.

6.2. Biện pháp thực hiện

a. Về thu hút sinh viên:

- Phát huy công tác quảng bá giới thiệu về trường của mình trên mọi phương tiện thông tin đại chúng, đây là nhiệm vụ quảng bá thường xuyên về các hoạt động của nhà trường.

- Xây dựng ký túc xá sinh viên tiện nghi với môi trường lành mạnh, tổ chức các hoạt động thể thao, văn hóa, văn nghệ, các cuộc thi, các hội thảo về lĩnh vực kỹ năng tìm kiếm việc làm và nghiên cứu khoa học, kiến thức để vừa làm vừa học.

- Có những chương trình đào tạo mang dáng dấp riêng mà các Trường khác chưa có.

- Thành lập Trung tâm xúc tiến việc làm để hỗ trợ sinh viên khi tốt nghiệp dễ dàng tìm kiếm việc làm.

- Thành lập Câu lạc bộ Doanh nghiệp để sinh viên có điều kiện tiếp xúc và học hỏi kinh nghiệm với các Doanh nghiệp.

- Thành lập một công ty đa ngành nghề trực thuộc trường để sinh viên có điều kiện học hỏi những kinh nghiệm thực tế để khi tốt nghiệp ra trường là đủ kiến thức để thích ứng với công việc ngay (chứ không phải khi ra trường sinh viên mới vào học việc).

b. Về công tác sinh viên

- Thành lập các trung tâm tư vấn sinh viên về học tập về nghề nghiệp.

- Thành lập quỹ học bổng sinh viên, để khuyến khích động viên các sinh viên học giỏi, tạo điều kiện cho sinh viên phát huy tài năng đủ kiến thức để tham gia nghiên cứu khoa học, đồng thời hỗ trợ cho sinh viên có hoàn cảnh khó khăn và các đối tượng chính sách.

- Công tác quản lý sinh viên phải đổi mới để phù hợp với sự phát triển của khoa học công nghệ.

- Tổ chức thành lập các hội cựu sinh viên ở các tỉnh và tạo lập quan hệ thường xuyên để trao đổi kinh nghiệm.

c. Về giáo dục và đào tạo sinh viên phát triển toàn diện

- Đẩy mạnh việc cải tiến phương pháp học tập của sinh viên bằng sự cải tiến giảng dạy của giáo viên, khuyến khích đọc sách và tham khảo tài liệu nước ngoài, trên mạng.

- Xây dựng thư viện điện tử phục vụ học tập và nghiên cứu khoa học của sinh viên.

- Tạo điều kiện cho sinh viên tổ chức các Câu lạc bộ tiếng Anh, thể dục thể thao và các hoạt động học tập rèn luyện nhằm nâng cao tính chủ động tự tin vào khả năng bản thân mình.

- Ưu tiên tuyển cho sinh viên tốt nghiệp loại giỏi ở lại Trường làm việc và làm công tác giảng dạy.

Tạo điều kiện cho sinh viên tham gia vào công tác đào tạo.

7. Chiến lược phát triển cơ sở vật chất – tài chính

7.1. Mục tiêu phát triển cơ sở vật chất - tài chính

Xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật của Trường theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, phấn đấu đến năm 2020 đáp ứng điều kiện giảng đường, phòng thực hành, trụ sở làm việc, đến năm 2022 xây dựng hoàn chỉnh theo hướng hiện đại cơ sở vật chất của Trường bao gồm: hệ thống phòng học, phòng thực hành, ký túc xá, phòng làm việc đảm bảo môi trường đào tạo chất lượng đạt chuẩn các trường đại học tiên tiến trong nước và khu vực. Thực hiện đa dạng hóa nguồn thu, sử dụng có hiệu quả các nguồn thu phục vụ cho công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học, nâng cao đời sống cho giáo chức, viên chức và đầu tư phát triển Nhà trường.

Đáp ứng theo tiêu chuẩn Việt Nam về xây dựng cơ sở vật chất trường đại học. Xây dựng hoàn chỉnh các hạng mục: giảng đường, hội trường, ký túc xá sinh viên, sân thể thao, phòng thí nghiệm, thư viện điện tử, nhà xưởng thực hành. Kế hoạch đến năm 2020 là hoàn chỉnh.

Xây dựng đúng theo quy định của Viện Kiến Trúc Quy Hoạch TP.Cần Thơ.

Thực hiện hiệu quả về công tác quản lý tài chính. Khai thác và thu hút nguồn vốn bằng nhiều hình thức như: huy động vốn từ các nguồn: tìm kiếm các nguồn vốn dự án tài trợ như ODA, WB, vốn vay tín dụng nhà nước, BOT đầu tư xây dựng, kinh doanh và chuyển giao. Huy động nguồn vốn từ giáo viên và phát hành cổ phiếu rộng rãi ra công chúng. Đây là hình thức kêu gọi đầu tư rộng rãi từ nhiều nguồn lực. Nâng cao hiệu quả nguồn thu từ các dịch vụ phí nội trú, bán hàng, dịch vụ đào tạo, lao động sản xuất và các nguồn kinh phí dịch vụ khác.

7.2. Chỉ tiêu phát triển cơ sở vật chất - tài chính.

Năm 2019 - 2021:

- Xây dựng hoàn chỉnh các hạng mục của trường Đại học Tây Đô.
- Đầu tư trang thiết bị giảng dạy, học tập, nghiên cứu theo hướng đồng bộ thiết thực.
- Xây dựng thư viện Điện Tử.
- Xây dựng hoàn thiện ký túc xá.

Năm 2021 - 2023:

- Xây dựng thêm khối nhà làm việc và phòng học, thí nghiệm của Khoa Dược – Điều dưỡng, bộ môn Luật.

- Chiến lược phát triển nguồn lực tài chính đóng vai trò quan trọng để xây dựng và phát triển Trường. Các nguồn thu cần huy động gồm :

Học phí;

Thu từ các hoạt động KHCCN, dịch vụ.

Kêu gọi cổ đông tăng vốn (cổ phần phổ thông) để phát triển, xây dựng và đầu tư thêm cơ sở vật chất.

Vay vốn diện ưu đãi từ nguồn Ngân hàng Đầu Tư Phát Triển Việt Nam.

Tăng học phí 10 -> 15% để bù vào do trượt giá.

Nguồn thu từ học phí sinh viên khoảng 11.000 sinh viên, học viên bao gồm các hệ chính quy (Đại học, Thạc sĩ và Tiến sĩ), hệ liên thông và không chính quy.

Năm 2018-2020: Dự tính nguồn thu từ học viên và sinh viên của các hệ ước tính khoảng 255 đến 300 tỉ/năm.

Đến năm 2022: Cơ sở vật chất đã ổn định, tài chính có tích lũy để phát triển thêm

cơ sở vật chất của Trường.

Đa dạng hóa nguồn thu tài chính, khai thác triệt để các nguồn lực từ tư vấn, nghiên cứu, đào tạo các loại hình, thực hiện đa dạng mức thu học phí theo hình thức và chất lượng đào tạo.

7.3. Giải pháp phát triển cơ sở vật chất - tài chính

- Căn cứ vào quy mô đào tạo và yêu cầu đào tạo của các chuyên ngành vào mỗi giai đoạn, lập kế hoạch và xây dựng, trang bị đầy đủ các phòng, thiết bị, phần mềm mô phỏng hoạt động của các chuyên ngành để đảm bảo nhu cầu thực hành của sinh viên, học viên, đảm bảo nhu cầu nghiên cứu khoa học của giảng viên, sinh viên;

- Căn cứ vào diện tích đất, diện tích xây dựng có được vào mỗi giai đoạn cùng với quy mô đào tạo, quy mô về nhân sự, mô hình quản lý và nguồn lực tài chính của trường để trang bị các hệ thống hạ tầng kỹ thuật thông tin liên lạc, các loại phương tiện, thiết bị phục vụ công tác quản lý điều hành theo xu hướng hiệu quả, hiện đại, tiện nghi.

- Đa dạng hóa nguồn tài chính, khai thác triệt để các nguồn lực từ nghiên cứu đào tạo và triển khai nguồn lực từ các dịch vụ tư vấn, các tổ chức tài trợ trong nước và nước ngoài. Tất cả nguồn thu – chi đều tập trung về một mối, quản lý tài chính theo cơ chế quản lý tài chính Doanh nghiệp.

- Thay đổi mức thu học phí theo hình thức và phương thức đào tạo.

- Tăng nguồn thu từ các hoạt động khoa học công nghệ, hợp tác quốc tế (liên kết đào tạo ngoài nước) và dịch vụ khác 30% tăng nguồn thu của nhà Trường.

- Xây dựng cơ chế quản lý kinh phí nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế cho các đơn vị và cá nhân trong trường hợp hoạt động hợp tác quốc tế thông qua liên doanh ký kết đề tài nghiên cứu khoa học, dự án đào tạo cán bộ để tăng nguồn thu.

- Thực hiện đa dạng mức thu học phí theo hình thức và chất lượng đào tạo.

- Đề xuất điều chỉnh khung học phí theo hướng xác định đầy đủ chi phí đào tạo, kết hợp triển khai một cách tích cực các chính sách liên quan tín dụng đào tạo, cấp học bổng, miễn giảm học phí;

- Đẩy mạnh ứng dụng cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 trong quản lý và đào tạo tại Trường: Đẩy mạnh ứng dụng CNTT vào quản lý, khai thác, vận hành hệ thống quản lý của Trường. Coi thúc đẩy phát triển ứng dụng CNTT là nhiệm vụ ưu tiên hàng đầu trong lộ trình công nghiệp hóa hiện đại hóa từng ngành, từng lĩnh vực đào tạo

8. Chiến lược phát triển quản trị đại học và đảm bảo chất lượng

8.1. Mục tiêu:

- Thành lập Hội đồng trường.

- Hoạch định và tổ chức thực hiện chiến lược phát triển nhà trường dài hạn và kế hoạch phát triển hàng năm trên cơ sở nhu cầu xã hội, nguồn lực hiện có và bổ sung của nhà trường, trên tinh thần đáp ứng nhu cầu xã hội, đảm bảo có hiệu quả để bù đắp chi phí và phát triển nhà trường;

- Hoạch định và tổ chức thực hiện các chiến lược truyền thông, tiếp thị một cách chuyên nghiệp và bài bản; xây dựng văn hóa của nhà trường và hệ thống nhận diện thống nhất;

- Phát triển hệ thống ĐBCL bên trong, rà soát và cải thiện mọi mặt hoạt động của Trường theo các tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục, đảm bảo các chương trình đào tạo (CTĐT) của Trường đạt tiêu chuẩn chất lượng quốc gia, tiếp cận tiêu chuẩn chất lượng của khu vực;

- Hình thành văn hóa chất lượng tiến tới xây dựng Văn hóa chất lượng của Trường Đại học Tây Đô trở thành giá trị văn hóa cốt lõi để thực hiện các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và ứng dụng và chuyển giao công nghệ.

- Các chỉ số ĐBCL cốt lõi của Trường Đại học Tây Đô đạt chuẩn của quốc gia làm nền tảng tiến tới đạt chuẩn các nước trong khu vực Đông Nam Á (AUN-QA) trong giai đoạn tiếp theo.

- Thực hiện đối sánh với các trường đại học trong nước và trong khu vực ASEAN.

- Tiếp cận và chuẩn bị đánh giá xếp hạng các trường đại học theo tiêu chuẩn THE cho giai đoạn tiếp theo.

8.2. Biện pháp thực hiện

- Bằng các giải pháp khác nhau nâng cao chất lượng đào tạo các bậc hệ, gia tăng công trình nghiên cứu khoa học có chất lượng, từng bước tham gia cộng đồng khoa học trên thế giới, đẩy mạnh hợp tác quốc tế làm nền tảng cho trao đổi giảng viên, cán bộ quản lý, sinh viên và công nhận trình độ đào tạo của nhau,... thực hiện từng bước toàn cầu hóa trong giáo dục đại học tại Trường Đại học Tây Đô;

- Xây dựng bộ máy quản lý và đội ngũ giảng viên chuyên nghiệp, có chương trình nâng cao chất lượng đội ngũ hàng năm, mạnh dạn đưa ra khỏi trường những cá nhân không đủ năng lực, phẩm chất; tìm kiếm những thầy giáo giỏi trong và ngoài nước để bổ sung vào đội ngũ giảng viên của trường;

- Lãnh đạo Nhà trường, đặc biệt là Hiệu trưởng, phải là người có trình độ chuyên môn, năng lực lãnh đạo, tư duy nhạy bén để lãnh đạo Nhà trường đi đến thành công

- Hoàn thiện mạng lưới các tổ ĐBCL các đơn vị trong Trường ĐHTĐ, quy định rõ ràng về cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ của các tổ ĐBCL của các đơn vị thành viên, trực thuộc; nâng cao năng lực, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác ĐBCL, đánh giá chất lượng nói chung và KĐCLGD nói riêng; tuyên truyền sâu rộng về vai trò, ý nghĩa của ĐBCL trong việc thực hiện sứ mạng của Trường ĐHTĐ nhằm tạo sự đồng thuận và thu hút tất cả đội ngũ cán bộ, giảng viên và người học tham gia tích cực vào việc xây dựng và thực hiện văn hóa chất lượng ở Trường ĐHTĐ.

Phần IV

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC

1. Chương trình hoàn thiện tổ chức và nâng cao hiệu quả hệ thống quản lý

- Phát triển các phương thức và mô hình quản lý trường hiệu quả, thích ứng với thị trường lao động và thị trường đào tạo nhân lực trình độ cao.

- Thực hiện phân cấp quản lý trong trường và giữa các đơn vị thuộc của trường. Xác định rõ chức năng quản lý đối với các đơn vị, các cấp quản lý trong trường theo nguyên tắc phân cấp, tự chủ và tự chịu trách nhiệm; có chế độ báo cáo, giám sát, đánh giá, kiểm tra;

- Xây dựng và phát triển hệ thống thông tin quản lý; ứng dụng công nghệ số và truyền thông hiện đại trong hệ thống quản lý;

- Tiếp tục cải tiến tin học hóa công tác quản lý của trường hoàn thiện vào năm 2018.

2. Chương trình hoàn thiện thể chế và chính sách

- Tiếp tục áp dụng các chính sách và thể chế quốc gia sao cho có lợi nhất cho sự phát triển của trường, nhất là cơ chế tự chủ và tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính, quy chế chi tiêu nội bộ;

- Xây dựng cơ chế thích hợp trong việc trao đổi cán bộ, giảng viên với các tổ chức đào tạo tiên tiến trong và ngoài nước.

3. Chương trình phát triển chương trình đào tạo

- Thực hiện tốt công tác quản lý trong quá trình đào tạo sao cho chặt chẽ đúng theo quy chế của Bộ GD&ĐT là mang lại hiệu quả cho nhà Trường và đảm bảo công bằng cho sinh viên.

- Tổ chức bố trí giáo viên chủ nhiệm phải phù hợp, sắp xếp giảng viên có trình độ năng lực và kinh nghiệm để phụ trách giảng dạy các môn, các ngành học cho phù hợp với ngành nghề.

- Tổ chức kiểm tra giảng dạy, dự giờ và đánh giá rút kinh nghiệm để đem lại chất lượng và hiệu quả trong công tác đào tạo.

- Đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới chương trình đào tạo:

- Đây là vấn đề rất cần thiết để nâng cao chất lượng đào tạo trong quá trình hội nhập. Việc đổi mới phương pháp dạy học từ phương pháp dạy cổ điển chuyên sang dạy hiện đại như: máy chiếu, băng đĩa,...

- Tổ chức thi kiểm tra đánh giá đội ngũ giảng viên, giáo viên và cán bộ quản lý tiếp cận công nghệ đào tạo mới dạy học cho sinh viên và học sinh một cách học dễ hiểu và thực hành nghề nghiệp một cách thành công, trong đó Giảng viên và Sinh viên là động lực cho đổi mới và là tác nhân chính làm cho đào tạo gắn với việc làm.

- Mở ngành mới:

+ Tiến sĩ Tài chính ngân hàng, Kế toán,

+ Thạc sĩ: Luật kinh tế, Quản lý đất đai, Quản trị kinh doanh lữ hành.

+ Đại học: Bác sĩ đa khoa, xét nghiệm y học, chẩn đoán hình ảnh, kiến trúc, công nghệ phần mềm, ...

4. Chương trình phát triển nghiên cứu khoa học - công nghệ

- Tham gia đăng ký đề tài cấp Nhà nước
- Tham gia thực hiện các đề án, dự án có liên quan đến sự phát triển của khu vực ĐBSCL
- Liên kết với các Doanh nghiệp nghiên cứu và chuyển giao công nghệ
- Thành lập Viện nghiên cứu phát triển kinh tế ĐBSCL
- Xây dựng cơ chế chính sách, tạo động lực cho các đơn vị cá nhân thuộc Trường hoạt động Khoa học Công nghệ.

5. Chương trình phát triển hợp tác quốc tế

- Tích cực rà soát, triển khai các văn bản thỏa thuận đã ký kết, tiếp tục tìm kiếm các đối tác quốc tế khác;
- Mở rộng hợp tác quốc tế với Đại học Khoa học và Công nghệ Malaysia, các trường đại học của Hoa Kỳ trong các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ nhằm nâng cao năng lực và chất lượng hoạt động Khoa học công nghệ và đào tạo của Nhà trường.
- Liên kết tổ chức hội thảo trong và ngoài nước.

6. Chương trình phát triển các nguồn lực

6.1. Chương trình phát triển nguồn nhân lực

- Xây dựng kế hoạch nguồn nhân lực, đặc biệt là cán bộ giảng dạy theo từng giai đoạn, có đủ số lượng cơ hữu, mạnh về trình độ, giỏi về chuyên môn, theo tiêu chí: chuẩn hóa, chuyên nghiệp hóa và trẻ hóa; đáp ứng yêu cầu phát triển quy mô và nâng cao chất lượng đào tạo của trường;
- Xây dựng chỉ số về tỷ lệ giữa sinh viên và cán bộ giảng dạy, đảm bảo tỷ lệ sinh viên quy chuẩn trên một giảng viên theo quy định chung, đảm bảo hiệu suất của quá trình đào tạo và các yêu cầu nâng cao chất lượng.
- Hàng năm tổ chức tuyển dụng cán bộ giảng dạy có trình độ cao, đảm bảo chất lượng về năng lực chuyên môn, khả năng sử dụng ngoại ngữ và tin học trong đào tạo, NCKH và HTQT;
- Lập kế hoạch đào tạo bồi dưỡng chi tiết đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý cho từng năm. Xây dựng đội ngũ giảng dạy có tính kế thừa về thâm niên công tác chuyên môn và được trẻ hóa.
- Xây dựng và bổ sung đội ngũ cán bộ giảng dạy cơ hữu, tăng cường đội ngũ giảng viên thỉnh giảng hàng năm.

6.2. Chương trình phát triển nguồn lực tài chính

- Giữ ổn định quy mô đào tạo đại học chính quy, tăng quy mô đào tạo đại học và đào tạo sau đại học với tốc độ tăng phù hợp theo từng giai đoạn, tăng mức thu học phí với tỉ lệ tăng bình quân 12%/năm-15%/năm;
- Nguồn tài chính của nhà trường bao gồm: nguồn thu của Hội Đồng Quản Trị; nguồn thu từ học phí sinh viên; nguồn thu từ các dịch vụ tư vấn, liên kết đào tạo và nghiên cứu khoa học; nguồn thu từ phát hành cổ phần ra công chúng (kêu gọi cổ đông).

- Đa dạng hóa nguồn thu tài chính, khai thác triệt để các nguồn lực từ tư vấn, nghiên cứu, đào tạo các loại hình, thực hiện đa dạng mức thu học phí theo hình thức và chất lượng đào tạo.

6.3. Chương trình phát triển nguồn lực cơ sở vật chất

- Mua sắm trang thiết bị dạy học hiện đại như máy DNC, CNC, trung tâm gia công ngành cơ khí cắt gọt, thiết bị các phòng thí nghiệm tiên tiến như thiết bị điện, cơ khí, công nghệ may, công nghệ thông tin và xây dựng thư viện điện tử có từ 300 đến 400 máy vi tính và khoảng từ 920.000 đến 970.000 đầu sách phục vụ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học...

- Xây dựng ngành công nghệ thông tin trở thành mũi nhọn chủ lực của trường.

- Mở rộng quan hệ với các cơ quan chính quyền địa phương tỉnh, huyện, xã để xin thêm đất mở rộng trường theo quy hoạch mới đến năm 2020. Căn cứ số lượng sinh viên và học sinh là 11.600 người để xin mở rộng thêm đất như sau:

- Đất xây dựng nhà Hiệu bộ: 1,5ha
- Đất xây dựng nhà lớp học, thư viện: 2,5ha
- Đất xây dựng xưởng thực hành: 2ha
- Đất xây dựng khu KTX, câu lạc bộ: 2ha
- Đất xây dựng khu thể thao, sân bãi, công viên, cây xanh: 3ha
- Đất giao thông và các dịch vụ khác: 1.5ha

Tổng diện tích đất: 12,5 ha

- Xây dựng dự án đầu tư phát triển trường với quy mô hiện đại, khép kín, đầy đủ các hạng mục phục vụ công tác và giảng dạy đến năm 2020.

- Nhà học lý thuyết 4 tầng diện tích 40.200 m² (03 nhà)
- Nhà học lý thuyết 3 tầng diện tích 12.000 (01 nhà)
- Hội trường lớn: 1.000m² (02 hội trường)
- Nhà giáo dục thể chất: 1.200 m²
- Xưởng thực hành (02 nhà)
- Nhà Hiệu bộ: 4.000 m² (01 nhà)
- Ký túc xá (01 khu): 10.000 m²
- Câu lạc bộ, thư viện, sân chơi và các công trình hạ tầng cơ sở khác: 11.000 m².

Tổng: 75.400 m² xây dựng

- Với tổng mức kinh phí đầu tư từ nay cho đến năm 2023 dự kiến: 850 tỷ đồng.

- Tăng cường tập trung lao động sản xuất, mở rộng các loại hình dịch vụ dưới nhiều hình thức đào tạo như đào tạo, thương mại, liên kết...Tạo nguồn kinh phí nâng mức đời sống cán bộ giáo viên tăng từ 2 – 3 lần mức lương theo hệ số cơ bản theo từng thời điểm.

Phần V
TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ
KẾ HOẠCH VÀ KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Tổ chức thực hiện kế hoạch chiến lược

- Tuyên truyền và phổ biến thông tin, nâng cao nhận thức đối với toàn thể cán bộ, giảng viên, nhân viên và sinh viên của trường trong việc thực hiện kế hoạch chiến lược;
- Tổ chức bộ máy và phân công thực hiện cho các cá nhân, bộ phận, đơn vị chức năng (trách nhiệm, quyền hạn, nguồn lực..);
- Xây dựng và phê duyệt lộ trình cụ thể thực hiện kế hoạch chiến lược chung của toàn trường và của từng đơn vị theo từng giai đoạn;
- Xây dựng ma trận hành động chiến lược. Mỗi hoạt động nêu rõ: mục tiêu cần đạt, thời gian thực hiện, các nguồn lực bảo đảm; cá nhân hoặc tổ chức chịu trách nhiệm thực hiện hoặc phối hợp; các chỉ số đầu ra (kết quả, hiệu quả, tác động v.v...); các chỉ số đo và xác nhận các chỉ số;
- Các biện pháp, cơ chế tổ chức và chỉ đạo thực hiện ở các cấp;
- Các biện pháp ứng phó với sự thay đổi, rủi ro có thể xảy ra trong tương lai.

2. Tổ chức giám sát và đánh giá việc thực hiện và kết quả (các mức độ đạt được theo mục tiêu)

2.1. Giám sát và đánh giá

Do lường, đánh giá kết quả sự chuyển biến về chất lượng và hiệu quả giáo dục trong quá trình thực hiện là một vấn đề khó khăn và hết sức quan trọng để đảm bảo kế hoạch thực hiện đúng mục tiêu, đồng thời điều chỉnh được những sai lệch và hạn chế được rủi ro.

Thực hiện nghiêm túc nội dung và phương pháp đánh giá, thực hiện đánh giá theo từng chỉ số, theo từng mục tiêu và đánh giá tổng thể trường. Tổng hợp lại mức đạt được về các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo và đưa ra những đánh giá chung về hiện trạng đảm bảo chất lượng đào tạo của trường, khuyến nghị ưu tiên đầu tư trọng điểm để nâng cao chất lượng và hiệu quả đạt được.

2.2. Các chương trình sẽ được thực hiện

▪ **Các chương trình**

- Chương trình đổi mới nội dung, phương pháp dạy và học;
- Chương trình chuẩn hóa khung chương trình đào tạo;
- Chương trình chuẩn hóa hệ thống đánh giá chất lượng giảng dạy và học tập;
- Chương trình ứng dụng CNTT trong đào tạo;
- Chương trình giáo trình và tài liệu tham khảo;
- Chương trình phát triển đội ngũ giảng viên và NCKH;
- Chương trình phát triển cơ sở hạ tầng;
- Chương trình hiện đại hoá các cơ sở đào tạo và NCKH;

- Chương trình chống xuống cấp các công trình;
- Chương trình tăng cường quan hệ HTQT;
- Chương trình chuyển giao công nghệ;
- Chương trình nâng cao năng lực quản lý.

KẾT LUẬN

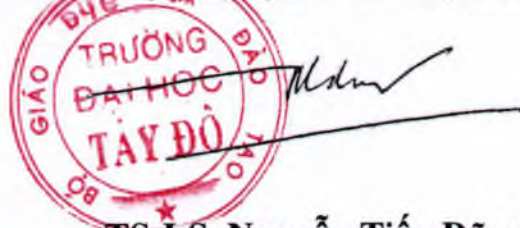
Trên đây là văn bản Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Tây Đô giai đoạn 2018-2023 và tầm nhìn đến năm 2035. Bản kế hoạch chiến lược này được xây dựng xuất phát từ những yêu cầu thực tiễn nhằm đáp ứng vai trò quan trọng của trường trong việc đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao cho khu vực đồng bằng Sông Cửu Long.

Mục tiêu chiến lược phát triển trong giai đoạn 2018-2023 của trường là: “Xây dựng Trường Đại học Tây Đô trở thành trường đại học có uy tín hàng đầu trong khu vực đồng bằng sông Cửu Long về lĩnh vực đào tạo đa ngành; xây dựng đội ngũ cán bộ giảng dạy và quản lý có chuyên môn cao, có năng lực NCKH; đảm bảo cơ sở vật chất và trang thiết bị hiện đại phục vụ mọi hoạt động của trường; các chương trình đào tạo bắt kịp trình độ giáo dục đại học trong khu vực và tiếp cận xu thế phát triển giáo dục đại học tiên tiến; có năng lực cạnh tranh cao và thích ứng với cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trong bối cảnh hội nhập toàn cầu”.

Cùng với sự phát triển nhanh chóng của nền kinh tế mở, đặc biệt trong xu thế hội nhập toàn cầu, Hội đồng quản trị, Đảng ủy - Ban Giám hiệu trường Đại học Tây Đô tin tưởng Kế hoạch chiến lược phát triển trường giai đoạn 2018-2023 và tầm nhìn đến năm 2035 với sự đồng lòng, nhất trí cao của tất cả các thành viên trong trường, sẽ cùng nhau nỗ lực phấn đấu, vượt qua những khó khăn để hoàn thành tốt các mục tiêu mà trường đã đề ra.

Nội dung của từng mảng phát triển trong kế hoạch đã được cụ thể hóa theo các giai đoạn thích hợp và sẽ được cập nhật, sửa đổi cho phù hợp với tình hình cụ thể. Hàng năm, trường sẽ tổ chức sơ kết, đánh giá để kịp thời điều chỉnh nhằm xây dựng kế hoạch hành động năm tiếp theo cho phù hợp với chiến lược phát triển.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



TS-LS. Nguyễn Tiến Dũng